LỊCH SỬ CÔN ĐẢO ĐẾN NĂM 1705

CÙ THỊ DUNG[*]
TRƯỜNG THÀNH[**]

1. Đặt vấn đề

Côn Đảo hay Pulo Condore là một quần đảo nằm ở phía Đông Nam Biển Đông của Việt Nam, hiện nay là huyện Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cách mũi Vũng Tàu khoảng 190km. Trong lịch sử, Côn Đảo là một quần đảo được giới hàng hải ghi chép khá nhiều và khá sớm, bởi vì Côn Đảo nằm trong tuyến hải trình nối từ Trung Hoa về Âu châu qua eo biển Malacca. Bài viết tập trung khảo sát quá trình chinh phục và định cư của người Đàng Trong tại Côn Đảo, từ giai đoạn sớm đến năm 1705. Với điều kiện tự nhiên khá khắc nghiệt và xa bờ, Côn Đảo đã được người Đàng Trong dần sở hữu và khai phá rất sớm, sớm hơn nhiều những gì chúng ta biết về Côn Đảo ngày nay. Với các nguồn tư liệu hiện có, giúp chúng ta hiểu rõ hơn quá trình xác lập chủ quyền và khai phá của người Đàng Trong trên Côn Đảo.

2. Người Đàng Trong và Côn Đảo đến năm 1698

Năm 1296, trong hành trình từ Trung Hoa đi đến Cao Miên bằng thuyền, Chu Đạt Quan đã kể lại trong tác phẩm nổi tiếng là *Chân Lạp phong thổ ký* - *真臘風土記* có nhắc đến biển Côn Lôn khi đi ngang qua khu vực: "Đoạn, từ Chân Bồ theo hướng Khôn - Thân, chúng tôi đi ngang qua biển Côn Lôn và vào cửa sông" (1). Biển Côn Lôn hay Côn Lôn Dương là cách người Á Đông chỉ vùng biển quanh quần đảo Côn Lôn, tức Côn Đảo của người Việt ngày nay. Có khá nhiều thư tịch cổ Trung Hoa ở giai đoạn sớm ghi chép về Côn Lôn với những mô tả về quần đảo này cùng nhiều thông tin trên đảo.

Cũng giai đoạn này vào năm 1294 trên hành trình từ Trung Hoa về Âu châu, khi ngang qua Côn Đảo, nhà thám hiểm người Ý là Macro Polo đã mô tả về quần đảo này qua các câu chuyện của ông, tư liệu được Đại tá Henry Yule biên dịch và khảo cứu: "Khi bạn rời Chamba và đi thuyền 700 dặm trên một lộ trình giữa Nam và Tây Nam, bạn sẽ đến hai quần đảo lớn và nhỏ. Người được gọi là Sondur và tên khác là Condur" (2). Trong chính biên khảo này, Đại tá Henry Yule đã cho biết thêm, ở thế kỷ thứ IX người Ả Rập gọi Côn Đảo là *Sundar Fúlát*: "Không có lý do gì để nghi ngờ rằng những hòn đảo này là nhóm ngày nay được gọi là Pulo Condore; trong thời xưa, một mốc quan trọng, và thỉnh thoảng là điểm ghé thăm, trên tuyến đường đến Trung Quốc. Nhóm đảo được gọi là Sundar Fúlát (Fúlát đại diện cho Pulo hoặc đảo của người Mã Lai, ở số nhiều) trong quan hệ Ả Rập vào thế kỷ thứ IX, điểm khởi hành cuối cùng trong chuyến hành trình đến Trung

[*]Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II
[**]Tỉnh Quảng Ngãi

Hoa, cách đó một tháng. Bản ghi cũ này cho chúng ta cái tên Sondor; trong thời kỳ hiện đại, chúng tôi có nó là Kondór" (3).

Tuy nhiên theo nội dung tư liệu mô tả của người Ả Rập ở thế kỷ thứ IX không hẳn như vậy, căn cứ bản dịch của Gabriel Ferrand cho thấy *Sundar Fûlât* không thể là Côn Đảo, hãy xem nội dung mô tả này: "Khoảng cách từ Kalah-bar đến Tiyûma là 10 ngày đường biển. Sau đó các con tàu khởi hành đến một nơi gọi là Kundrang (4), nằm cách đó 10 ngày đường (tính từ bến đỗ trước đó). Những người mà muốn đến nơi này, đã tìm thấy nước ngọt ở đó. Ở các hòn đảo phía Tây Ấn Độ cũng vậy, nếu người ta đào giếng nơi nào thì sẽ tìm thấy nước ngọt ở đó. Kundrang là một ngọn núi cao, nơi có những nô lệ và những tên trộm thỉnh thoảng trú ẩn. Sau đó, các con tàu đến một nơi gọi là Campa (5) (Trung Kỳ và Nam Kỳ ngày nay), cách bến đỗ trước đó 10 ngày đường. Người ta tìm thấy nước ngọt ở đây, người ta cũng thấy cả kỳ nam. Ở nơi này có vua, người dân địa phương có nước da nâu và mặc khố. Khi các con tàu đã tích trữ đủ nước ngọt, họ ra khơi đến một nơi gọi là Cundur-fûlât, một hòn đảo trên biển. Khoảng cách giữa Cundur-fûlât và bến đỗ trước đó là 10 ngày đường. Ở đó có nước ngọt. Các con tàu sau đó ra khơi đến một vùng biển có tên là Canhay, sau đó đến Portes de la Chine. Đây là những ngọn núi nhô lên từ biển, giữa hai ngọn núi có một khe nứt làm lối đi cho tàu bè. Thánh Allah đã giúp họ đi qua cảng Cundur-fûlât một cách an toàn và bình yên, các con tàu đã lên đường đến Trung Hoa trong một tháng, trong đó họ mất 7 ngày để vượt qua Portes de la Chine. Sau khi các con tàu vượt qua các cổng này và đi vào các cửa sông, thì chúng tiến vào vùng nước ngọt và đến đất nước Trung Hoa, nơi chúng sẽ thả neo mang tên thành phố Hanfû (6)" (7). Từ mô tả trên xin tóm tắt hành trình này như sau: Tiyûma ⇔ 10 ngày ⇔ Kundrang ⇔ 10 ngày ⇔ Campa ⇔ 10 ngày ⇔ Cundur-fûlât ⇔ 30 ngày ⇔ Hanfû; trong đó vượt qua vùng Portes de la Chine mất 7 ngày. Theo khảo cứu của Gabriel Ferrand (8) thì cho rằng Tiyûma là đảo Tioman; Kundrang là Saint-Jacques (mũi Vũng Tàu); Campa là Chiêm Thành; Cundur-fûlât là đảo Hải Nam và Hanfû là Quảng Châu. Như vậy theo Gabriel Ferrand thì Cundur-fûlât là Hải Nam, tuy nhiên theo Henry Yule thì Cundur-fûlât lại là Côn Đảo. Chắc chắn Henry Yule đã nhầm lẫn, bởi Côn Đảo không thể nằm sau Chiêm Thành trong hành trình đi từ Malacca về Trung Hoa, phải gặp Côn Đảo trước khi đến Chiêm Thành nếu đi về hướng Bắc. Như vậy có thể giả thiết của Gabriel Ferrand Cundur-fûlât là đảo Hải Nam là khả dĩ. Tuy nhiên phải khảo sát theo thực tế, các địa danh này tương ứng ngày nay là gì với hành trình vừa mô tả với thời gian từng chặng?

Trong hành trình được mô tả ở thế kỷ thứ IX, bắt đầu từ Ả Rập về Trung Hoa, hành trình đi qua khu vực Việt Nam ngày nay, từ các địa danh đã nêu có thể ước lượng được vị trí khi căn cứ vào hành trình đi lại trên biển với thời gian từng chặng. Dự kiến ở thế kỷ thứ IX, các thương thuyền có xu thế luôn đi ven bờ nhằm đảm bảo an toàn trước thiên tai như gió lốc, mưa bão trên biển (ngoại trừ một số chặng phải vượt vịnh nhằm rút ngắn hành trình như vịnh Thái Lan). Như vậy kể từ đảo *Tiyûma*, xác định theo ngày nay là đảo Tioman (Malaysia), đến *Kundrang* mất 10 ngày, tiếp tục đến *Campa* mất 10 ngày, tiếp tục đến *Cundur-fûlât* mất 10 ngày, tiếp tục đến *Hanfû* (nay có lẽ là Quảng Châu, Trung Hoa) mất 30 ngày. Tổng hành trình đi ven bờ từ đảo Tioman (Malaysia) đến Quảng Châu (Trung Hoa) mất 60 ngày, tổng chiều

dài đường biển ven bờ dự kiến khoảng 2.790 km. Tính trung bình 1 ngày đi được 46,50 km (9), như vậy trung bình cứ 10 ngày đi khoảng 465km. Thực tế ngày nay tính từ đảo Tioman (Malaysia) đến Côn Đảo (Việt Nam) dài 700 km; nếu tính đến Cap Saint-Jacques hay Mũi Vũng Tàu (Việt Nam) thì 900 km. Như vậy điểm tiếp theo tính từ *Tiyûma* đến *Kundrang*, theo ngày nay có lẽ là Côn Đảo chứ không thể Mũi Vũng Tàu, bởi hành trình gần gấp đôi của lộ trình cho thấy tốc độ trung bình của chuyến hải trình này không thể đáp ứng. Như vậy có thể phỏng đoán *Kundrang* (10) chính là Côn Đảo, để về sau các biến âm của *Kundrang* trở thành Condore, Condor, Kundor,… và nay là Côn Đảo của người Việt. Hành trình từ *Kundrang* đến *Campa* (Chiêm Thành) có lẽ là ở quãng Nha Trang (Việt Nam) với thánh địa Pô Naga, cự ly từ Côn Đảo về Nha Trang khoảng 490km, khá phù hợp tốc độ trung bình của hải trình này. Tiếp tục từ Nha Trang về đến đảo Cù lao Chàm (Việt Nam) là 460km, cũng khá phù hợp tốc độ trung bình của hải trình này, như vậy *Cundur-fûlât* có lẽ là Cù lao Chàm, người phương Tây thường gọi là Cham Callao và các biến âm của nó (Campella, Campelo, Champolla, Champello, Cham Collao,…). Hãy chú ý cụm từ *fûlât* khá gần với cụm từ *pello*, mà một số tác giả cho rằng *fûlât* là theo âm Mã Lai của đảo, tức poulo, pulo hay pello. Như vậy với đảo Cù lao Chàm (Champello) thì cụm từ *fûlât* lại nằm sau danh từ riêng và chưa tìm ra cách gọi tương tự ở các hòn đảo khác trong khu vực, *Cundur-fûlât* biến đổi qua *Champello* là khả dĩ. Từ Cù lao Chàm (Việt Nam) đi men theo vịnh Bắc Bộ, qua eo biển Quỳnh Châu (nối đại lục tại Từ Văn Huyện với đảo Hải Nam tại Hải Khẩu Thị) và đến thành phố *Hanfû* (nay có lẽ là Quảng Châu, Trung Hoa), với cự ly khoảng 1.140 km và mất 30 ngày. Ở hành trình này tuyến đi sâu vào vịnh Bắc Bộ nên mô tả cho biết đó là biển *Canhay* (11), đồng thời vị trí *Portes de la Chine* (cảng Trung Hoa) có thể là khu vực bán đảo Quỳnh Châu nối lục địa với đảo Hải Nam, dấu vết còn đến ngày nay chính là Hải Khẩu Thị tại eo biển này. Như vậy ở hải trình từ Ả Rập về Trung Hoa trong thế kỷ thứ IX, các thương thuyền phải đi qua Côn Đảo và đây cũng chính là tiêu hướng mà hầu như các thương thuyền đi Trung Hoa phải nhắm hướng và dừng đỗ khi bắt đầu từ eo biển Malacca ở Malaysia. Dĩ nhiên rồi, hầu như các mô tả vượt biển từ eo biển Malacca về Trung Hoa ở thế kỷ XVII của người phương Tây, đều cho thấy họ bắt đầu từ đảo Tioman hướng đến Côn Đảo, rồi từ đó các thương thuyền men theo bờ đi về phía Bắc để đến Trung Hoa.

Cũng chính ở tác phẩm này từ nguyên bản tiếng Ả Rập, về sau được học giả Jean Sauvaget dịch và khảo cứu, cho biết rõ hơn các địa danh được chuyển ngữ từ nguyên gốc tiếng Ả Rập: Bắt đầu từ đảo Tiyouman (Tioman) ; mất 10 ngày đến đảo Pandouranga (Pânduranga); mất 10 ngày đến Tchampa (Champa); mất 10 ngày đến đảo Tchams (Champello); mất 30 ngày đến Canton (Quảng Châu), trong đó phải mất 7 ngày để vượt qua Portes de Chine (cảng Trung Hoa) (12). Như đã trình bày ở trên, về tính hợp lý và lộ trình di chuyển của thương thuyền Ả Rập đi từ Trung Đông về Trung Hoa ở thế kỷ thứ IX. Rõ ràng họ đã qua Pulo Condore, mà theo các tài liệu Á Đông thì đó là đảo Côn Lôn, người Việt ngày nay gọi là Côn Đảo. Và một chỉ hướng rất đặc biệt ngay từ năm 851, cho thấy Côn Đảo đã thuộc chủ quyền của Pânduranga hay Tân Đồng Long, một phần của vương quốc Champa trong lịch sử, khi tên gọi hòn đảo mang tên vùng đất Pandouranga. Điều

đó có nghĩa là người Chăm đã sở hữu từ rất sớm quần đảo này.

Theo Phí Tín, tác giả *Tinh Tra Thắng Lãm*, có mô tả về Côn Đảo khi ông theo phái đoàn Trịnh Hòa bốn lần đến Tây dương. Khởi đầu vào các năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), Vĩnh Lạc thứ 10 (1412), Vĩnh Lạc thứ 13 (1415), và Tuyên Đức năm thứ 6 (1431), ông ta viết lại những mô tả của mình về phong tục, địa thế, nhân vật nơi phái đoàn đi qua thành sách. Trong đó ông mô tả một dải về phía Nam là Chiêm Thành, Tân Đồng Long, Thủy Chân Lạp và Côn Đảo. Ở phần Côn Đảo ông ta mô tả là Côn Lôn: "Núi này đứng giữa biển rộng, làm tiêu chuẩn cho Chiêm Thành, Đông Tây Trúc cùng nhìn vào, núi cao mà vuông, gốc rễ sơn mạch rộng và xa, biển này gọi là biển Côn Lôn. Phàm thuyền bè đến Tây Dương phải chờ lúc thuận gió, đi 7 ngày đêm có thể qua nơi này. Tục ngữ rằng "Phía trên thì sợ Thất Châu, phía dưới thì sợ Côn Lôn, cầm lái sai hướng, người và thuyền không còn". Núi này không có vật lạ, người không ở nhà; nhưng có thể dùng cá, tôm, trái cây để ăn, sống trên cây hoặc trong hang". Thời điểm này Phí Tín cho thấy Côn Lôn đã có người ở, ở đó chỉ có tôm cá trái cây để ăn, có hang và cây để trú ẩn (13). Nó đúng như mô tả ở thế kỷ thứ IX của người Ả Rập: "Kundrang là một ngọn núi cao, nơi có những nô lệ và những tên trộm thỉnh thoảng trú ẩn", có lẽ đó là những người trốn tránh pháp luật từ các nơi, hoàn toàn không phải nơi định cư lâu dài. Có lẽ *Tinh Tra Thắng Lãm* là một trong những tài liệu mô tả sớm và chi tiết nhất về đảo Côn Lôn, để về sau nhiều tài liệu khác của Trung Hoa cũng dựa vào đó mô tả tương tự. Ngoài ra với các thông tin về Côn Lôn từ nguồn thư tịch Trung Hoa xuyên suốt về sau, núi Côn Lôn trên biển được ghi chép ngay sau quốc gia Chiêm Thành cho thấy, rất có thể Côn Đảo chịu sự kiểm soát của người Chiêm Thành từ khá sớm, một tộc người rất giỏi về biển cả.

Theo *Minh Sử* biên soạn đời Thanh, *quyển 324*, mục *liệt truyện đệ 212*, phần *ngoại quốc ngữ*, mô tả các quốc gia Chiêm Thành, Tân Đồng Long, Chân Lạp, Xiêm La, Trảo Oa, Đồ Bà, Tô Cát Đan, Điệp Lý, Nhật La Hạ Trị, Tam Phật Tề, trong phần mô tả về nước Tân Đồng Long ở phía Nam nước Chiêm Thành, có mô tả thêm về đảo Côn Lôn: "Có núi Côn Lôn sừng sững giữa biển, đối diện với Chiêm Thành và đỉnh Đông Tây Trúc. Núi rộng và cao, biển ở đó gọi là Côn Lôn Dương. Người đi phương Tây phải đợi đến khi mưa thuận gió hòa, bảy ngày đêm mới vượt qua, nên thuyền nhân nói: "Thượng phạ Thất Châu, hạ phạ Côn Lôn". Con người ở đó sống trong hang, ăn trái cây, tôm cá, không có giếng và bếp". Ghi chép ở đây khá giống với Tinh Tra Thắng Lãm, rất có thể thông tin từ Minh Sử vẫn theo các thông tin đã có trước đó. Có lẽ các thông tin này làm người ta cho rằng đó là người nước Côn Lôn Tằng Tư từ sách *Tam Tài Đồ Hội* của Vương Kỳ vào cuối đời Minh. Nhiều tác giả đã khảo sát chủng người ở Côn Lôn Tằng Tư Quốc trong sách *Tam Tài Đồ Hội* cho thấy, đó không phải là chủng người ở đảo Côn Lôn mà là một chủng người Mã Lai với làn da đen. Chủng người da đen này làm nô lệ khá phổ biến thời nhà Đường và Tống ở Trung Hoa và không phải là người ở tại đảo Côn Lôn.

Tài liệu của Trung Hoa đề cập đến nô lệ Côn Lôn là *Tống Sử*, biên soạn vào đời Nguyên (năm 1345), *quyển 324*, mục *Liệt truyện 248*, phần *ngoại quốc ngữ*, mô tả các quốc gia Chiêm Thành, Chân Lạp, Bồ Cam, Mạc Lê, Tam Phật Tề, Đồ Bà, Bột Nê, Chú Liễn, Đan Mi Lưu, trong phần mô tả nước Tam Phật Tề có nói về người nô lệ Côn Lôn biểu diễn âm nhạc: 乐有小琴, 小鼓, 昆

仑奴踏曲为乐 - *Nhạc hữu tiểu cầm, tiểu cổ, Côn Lôn nô đạp khúc vị nhạc*", tạm dịch: Nhạc khí có đàn nhỏ, trống nhỏ, do nô lệ Côn Lôn biểu diễn. Tuy nhiên theo nội dung các mô tả từ một hành trình của một người Bồ Đào Nha là Fernão Peres được trình bày sau đây cho thấy, vào năm 1515 vẫn chưa thấy người sinh sống tại Côn Đảo. Từ đó có thể nhận thấy ở giai đoạn sớm từ thế kỷ XVI trở về trước, Côn Đảo chỉ có vai trò là nơi chỉ hướng cho tàu thuyền đi trên biển và cung cấp nước ngọt cùng thực phẩm cho các đoàn thám hiểm qua đây.

Ở giai đoạn đầu thế kỷ XVI, một người Bồ Đào Nha là Fernão Peres đã ghé Côn Đảo vào năm 1515 và được João de Barros thể hiện câu chuyện này trong tác phẩm mình, câu chuyện đã cho biết Côn Đảo lúc này chưa có dân cư: "Partido Fernão Peres đến một hòn đảo tên là Pullo Candor, pullo trong tiếng Mã Lai của Malacca có nghĩa là đảo, Candor là tên của nó. Và từ điều này có thể hiểu rằng, khi chúng ta nói cái tên Pullo trong câu chuyện này, nó không phải là tên riêng, mà là danh từ chung. Trong đó Pullo Candor, mặc dù không có người sinh sống, nhưng lại là nơi quen thuộc của các thủy thủ, nơi họ thường đến lấy nước, thỉnh thoảng đưa tàu vào bờ, có rất nhiều gà ở đó, đến nỗi các thủy thủ thấy vô cùng thoải mái. Tôi đã bắn nhiều loài chim khác nhau ở đây, đặc biệt là có rất nhiều rùa và nhiều loại cá, đến nỗi họ có thể mang về nước" (14). Như vậy lúc này Côn Đảo chỉ là một quần đảo hoang, nơi được các thủy thủ thường xuyên ghé để lấy nước và tìm thức ăn, trong hành trình vượt biển vịnh Thái Lan từ Malacca để đến Trung Hoa. Có lẽ những người Bồ Đào Nha là những người phương Tây ghé Côn Đảo từ rất sớm và những ghi chép cũng như hiện vật của họ ở thế kỷ XVI cho chúng ta biết về hòn đảo này. Trong những dấu vết người phương Tây còn để lại trên Côn Đảo, có những đồng tiền Tây Ban Nha ở thế kỷ XVI cho thấy người phương Tây đã ghé vào nơi này từ rất sớm, đúng với những mô tả trước đó của João de Barros: "Côn Đảo với những tảng đá tròn trĩnh. Côn Đảo, nhà tù ở Nam Kỳ. Côn Đảo, niềm vui của những người nghiên cứu tiền cổ, những người đã phát hiện ra ở đó những đồng tiền có niên đại từ Charles-Quint (15) trong khi lục lọi những mảnh vỡ. Đồng tiền này (16) là bằng chứng không thể chối cãi rằng người Tây Ban Nha đã tìm ra những hòn đảo này vào đầu thế kỷ XVI" (17). Nhận định của Gaston Donnet khi cho rằng người Tây Ban Nha là những người để lại những đồng tiền Tây Ban Nha, có lẽ chưa phù hợp. Ở giai đoạn này, tiền Tây Ban Nha được dùng để giao dịch trong thương mại ở vùng Viễn Đông rất rộng rãi và phổ biến cả đến thời Pháp mới vào Đại Nam. Điều này là phù hợp với chính người đưa tin sớm nhất về những đồng tiền cổ này, đó là viên đại úy Lucien de Grammont. Ông ta rất dè đặt (18) khi cho biết những đồng tiền này được phát hiện ở Côn Đảo vào năm 1861: "Chính nhờ vào công việc thu dọn để thành lập cơ sở đầu tiên đã dẫn đến việc phát hiện ra một số lượng tiền xu in rập nổi hình Charles-Quint và năm 1521" (19). Vì vậy chỉ có thể nói những người phương Tây mang các đồng tiền Tây Ban Nha niên đại Charles-Quint, họ là những người đã sớm đặt chân lên Côn Đảo nhưng thời gian phải sau chuyến ghé Côn Đảo của Fernão Peres vào năm 1515.

Quãng thời gian sau đó có lẽ vẫn chưa có người ở, một mô tả của người Ý vào ở cuối thế kỷ XVI cho thấy Côn Đảo vẫn đầy ắp lương thực nhưng hoàn toàn vắng bóng người: "Trước khi đi tiếp, cần phải nhìn ra biển Campa và Camboia, đây là hai hòn đảo khác nhau mà ít được nói đến mang

tên là Pulo theo ngôn ngữ này, nổi tiếng nhất là Pulocondor, nơi có một vịnh lớn mang tên này. Đây là nơi thường xuyên được các thủy thủ lui tới, vì có nước ngọt và nhiều loại gà khác nhau, nhất là hoa quả và gà mái vốn sinh sôi nảy nở rất nhiều, vì mỗi con đều để lại một vài con. Nhưng rùa và cá, những loài cạnh tranh với gà, cũng rất nhiều, đến nỗi không thể mang hết được" (20). Như vậy có lẽ Côn Đảo trong suốt thế kỷ XVI vẫn như thời gian trước đó, là nơi được các tàu thuyền ghé đến tiếp nước ngọt và lương thực trước hoặc sau hành trình vượt biển khá dài, nơi chỉ có những người nô lệ hay trộm cướp ẩn náu và sống một cuộc sống lén lút. Và như đã nhận định, có lẽ giai đoạn này Côn Đảo vẫn thuộc sự kiểm soát của vương quốc Chiêm Thành, tuy nhiên rất có thể vì điều kiện quá khắc nghiệt và chưa tự sản xuất được lương thực nên có lẽ người Chăm chưa để dấu vết lại ở đây. Nguồn tư liệu muộn hơn vào năm 1627 của người Tây Ban Nha cho biết, Côn Đảo thuộc chủ quyền vương quốc Chiêm Thành: "Họ đi vào vương quốc Champa và neo đậu tại Pulo Condor, nơi họ gửi các thuyền lancha của họ với 40 người Tây Ban Nha và khoảng 20 người Ấn Độ và người da đen, để xem liệu họ có thể tìm được nước, điều mà rất cần thiết đối với họ" (21).

Đến đầu thế kỷ XVII, hai công ty Đông Ấn Anh và Đông Ấn Hà Lan ký kết một hiệp ước ngày 02-6-1619 (22) tại Luân Đôn về việc tôn trọng các khác biệt nảy sinh giữa hai công ty với khá nhiều điều khoản, trong đó có nói đến việc dự kiến đặt một cơ sở thương mại nằm trên Côn Đảo nếu phù hợp, nhằm giúp hạm đội kiểm soát tình hình thương mại với Trung Hoa: "Về tỉ lệ, để biết được nơi nào các con tàu được sử dụng đầu tiên, thì cần phải đánh giá lợi ích của hai Công ty qua việc gửi hạm đội của mình đến các bờ biển Malabar và các vùng lân cận, tuy nhiên, việc phòng vệ được tiến hành nhằm chiếm lấy hoạt động thương mại của Trung Quốc và vì mục đích này, mà hạm đội được đưa đến Philippines để cản trở người Hoa giao thương với nước khác, ngoài chúng ta. Và một nơi tụ họp thương mại ở Lequio (23), Pecquin (24), Poulo Condor hoặc một vài nơi khác đã được Hội đồng phòng vệ chung đưa ra như là một nơi tốt nhất dành cho hoạt động thương mại này" (25). Như vậy, người Âu châu đã nhận ra vị trí rất quan trọng của Côn Đảo trong hành trình thương thuyền của họ đến Trung Hoa, nên việc dự kiến đặt cơ sở thương mại nằm trên tuyến đường này, mà sự lựa chọn có thể là Côn Đảo. Và sự thật phải đến gần 100 năm sau, năm 1702 người Anh mới hiện thực hóa ý tưởng này bằng một khu định cư được xây dựng trên Côn Đảo với nhiều nhân viên người Âu và nô lệ. Chính trong giai đoạn này trở đi, người châu Âu tăng cường khảo sát Côn Đảo ngày càng nhiều và các báo cáo đương thời của họ hết sức có giá trị về mặt lịch sử, cho chúng ta biết nhiều vấn đề của Côn Đảo ở giai đoạn sớm, mà chính những chủ nhân thực sự của nó là người Đàng Trong cũng chỉ có những ghi chép muộn màng hơn nhiều.

Ở thời gian sau đó, trong chuỗi thông tin về quan hệ Hà Lan với Cao Miên và Đàng Trong trong thế kỷ XVII, Winkel đã cho biết thông tin vào năm 1644, chính quyền Hà Lan từ Batavia đã gửi hai chiến thuyền do Platvoet chỉ huy nhằm tấn công người Đàng Trong. Qua các thông tin mô tả này, có một thông tin cho thấy Côn Đảo đã thuộc quyền kiểm soát của chính quyền người Đàng Trong tại thời điểm này: "Có nhiều cuộc viễn chinh, ngoài các cuộc viễn chinh ở Cao Miên cho thấy ông ta không

thể sắp xếp được nhiều tàu chiến trước ngày 8-8-1644. Trong khi ông ta gửi hai tàu chiến do Platvoet chỉ huy, ông ta thừa nhận rằng những con tàu này không có hiệu quả, và được gửi đi chỉ để chứng tỏ rằng người ta vẫn còn sống và sự thất bại chỉ là do thiếu các biện pháp phòng ngừa. Nghiêm cấm Platvoet có mọi hành động thù địch chống lại vua Chiampa, nhưng từ Poulo-Condore đến Champello, ranh giới phía Bắc và phía Nam của Đàng Trong, ông ta đã phạm nhiều sai lầm nhất có thể" (26). Thời điểm này (1644), biên giới đất liền của Đàng Trong chỉ đến mũi Varella, người Việt gọi là Thạch Bi hay Đá Bia, trong khi Côn Đảo nằm ở phía Nam và cách biên giới tại Đá Bia hơn 500km. Vì sao có thông tin này? Rất có thể việc này liên quan đến quá trình khai phá của người Việt với quần đảo này, sẽ được thể hiện ở phần sau, đó là tộc người định cư duy nhất và sớm nhất tại Côn Đảo. Tất cả các ghi chép lịch sử từ nguồn phương Tây về sau thời điểm này cho thấy chỉ có người Đàng Trong định cư trên đảo từ rất sớm và họ là chủng người duy nhất trong một quãng thời gian dài. Với sức mạnh của một thế lực mới nổi lên trong khu vực, người Đàng Trong đánh tan các chiến thuyền người Hà Lan rất hiện đại vào năm 1643, điều này làm cho các quốc gia khác phải khiếp sợ và tôn trọng đội quân thiện chiến này. Chính vì vậy trong quá trình chinh phục và khai thác hải đảo, người Đàng Trong đã vào đến tận Côn Đảo và xác lập chủ quyền. Lúc này chắc hẳn họ đã đưa dân đến sinh sống tại đây, lập thành làng với các khu sản xuất lương thực được khai mở, điều này đã được các tàu thuyền ngoại quốc khi ghé vào nhận ra. Rất có thể lúc này người Đàng Trong đã xuất hiện trên Côn Đảo khá nhiều và là cư dân duy nhất. Bởi chỉ hơn 40 năm sau, vào năm 1687 thuyền trưởng William Dampier đến Côn Đảo và cho thấy dân cư ở đây có nguồn gốc Đàng Trong.

Cụ thể vào năm 1687, một người rất nổi tiếng là thuyền trưởng William Dampier đến Côn Đảo và lưu trú trong khoảng gần 2 tháng (từ ngày 14-3 đến 23-4-1687 và từ 24-5 đến 04-6-1687), lúc này ông ta đã thấy cư dân sống ở đây: "Chúng tôi chỉ đến nhìn thấy Pulo Condore hay Đảo Condore vào ngày 13 tháng 3, bởi vì tôi tin rằng pulo có nghĩa là đảo. Vào ngày 14, chúng tôi thả neo ở phía bắc đảo lúc giữa trưa, đối diện với một vịnh cát, cách bờ biển 1 dặm và sâu 10 sải với đáy cát sạch và cứng. Pulo Condore là hòn đảo chính và là hòn đảo duy nhất có người sinh sống. Nó nằm ở 8 độ 40 phút vĩ độ Bắc và cách khoảng 20 dặm. Chúng ở gần nhau đến nỗi nhìn từ xa chúng như một hòn đảo duy nhất" (27). Trong quãng thời gian này William Dampier đã tìm hiểu và mô tả về quần đảo này khá chi tiết. Ông ta cho biết có khá nhiều loài động vật trên đảo như lợn, thằn lằn, gà rừng, rùa, chim và cá các loại… cùng nhiều loại trái cây như xoài, nho (28),… Đặc biệt ông ta mô tả một loài cây trên đảo dùng để lấy nhựa có đường kính thân lên đến 3-4 feet (0,9-1,2m), rất có thể đó là cây dầu rái. Ông ta cho biết cư dân trên đảo là người Đàng Trong: "Người ta nói cho chúng tôi biết là cư dân của hòn đảo này có nguồn gốc Đàng Trong, đó là nhờ có một người nói tiếng Mã Lai rất sõi, thứ ngôn ngữ mà chúng tôi bắt đầu học và một số người trong chúng tôi nói trôi chảy trong thời gian chúng tôi ở Mindanao" (29). Có lẽ vì là người đầu tiên mô tả chi tiết về quần đảo Côn Đảo nên vịnh neo trú Bến Đầm ngày nay được đặt tên là vịnh Dampier từ đó.

Trong hành trình vòng quanh thế giới của mình, vào năm 1695 du khách Gemelli Careri cũng đã đi qua khu vực bờ biển Đàng Trong và mô tả cụ thể về Côn Đảo: "Sang thứ năm gió đổi hướng về phía đông, nhưng giữa trưa gió trở lại thuận lợi. Sáng sớm thứ sáu (30) chúng tôi đến Pulo-Condor, một hòn đảo thuộc quyền sở hữu của vua Đàng Trong, nhưng không có người ở. Chỉ vào những thời điểm nhất định trong năm, có một số người Đàng Trong đến đây để đốn gỗ và thu thập sản phẩm trên đảo, như ngô, quả sung và cam. Hòn đảo dài 8 dặm và có chiều rộng tương tự. Theo như kinh nghiệm chúng tôi thì các trận mưa gió xảy ra hàng ngày nơi đây là nguyên nhân mà đảo này bị bỏ hoang. Tất cả các tàu đến Manila đều biết đến hòn đảo này" (31). Lúc này, Gemelli Careri vẫn cho biết chủ quyền của Côn Đảo đã thuộc Đàng Trong, tuy nhiên ông ta lại cho rằng người Đàng Trong không sống thường xuyên ở đây với lý giải là bởi các trận mưa bão hàng ngày mà dân cư không thể ở được. Tuy nhiên như đã khảo sát vào năm 1687 với tường thuật của William Dampier thì Côn Đảo đã có dân định cư là người Đàng Trong. Nên nhớ phải 3 năm sau, vào năm 1698 người Đàng Trong mới lập phủ Gia Định với hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn ở vùng Đồng Nai.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Châu Đạt Quan, Chân Lạp phong thổ ký, Lê Hương dịch, Nxb. Kỷ Nguyên Mới, Sài Gòn, 1973, tr.22.

(2). Colonel Henry Yule, *The Book of Ser Marco Polo, the Venetian: Concerning the Kingdoms and Marvels of the East* - Volume II, Second Edition, Revised, London, John Murray, Albemarle street, 1874, tr.256.

(3). Colonel Henry Yule, *The Book of Ser Marco Polo, the Venetian: Concerning the Kingdoms and Marvels of the East* - Volume II, Second Edition, Revised, London, John Murray, Albemarle street, 1874, tr.257.

(4). Tác phẩm này được nhiều học giả dịch qua tiếng Pháp và phiên âm các địa danh khá khác nhau. Theo Eusèbe Renaudot trong Anciennes relations des Indes et de la Chine, de deux voyageurs mahometans… thì phiên âm là Kadrenge; theo M. Reinaud (1845) trong Relation des voyages faits par les Arabes et les Persans dans l'Inde et à la Chine thì phiên âm là Kedrendj; theo édouard Charton trong Voyageurs anciens et modernes, ou, Choix des relations de voyages le plus... thì phiên âm là Kedrendj.

(5). Campa thời điểm này (năm 851) là vương quốc Hoàn Vương (757 - 859), có lẽ đã được chuyển từ Trà Kiệu xuống khu vực mà được người Trung Hoa thời nhà Đường gọi là Hoàn Vương, rất có thể đó là vùng đất Nha Trang ngày nay, nơi có đền thờ Bhadrādhipatīśvara (tháp Bà Po Nagar).

(6). Hanfû, như các tác giả đã xác định đó là thành phố Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông ngày nay. Thời điểm đó Quảng Châu là đất Phiên Ngung, có lẽ Hanfû là cách ký âm Hán Phủ thời điểm năm 851 với Quảng Châu, thủ phủ vùng này thời nhà Đường.

(7). Gabriel Ferrand, *Voyage du marchand arabe Sulaymân en Inde et en Chine, rédigé en 851 suivi de remarques par Abu Zayd Hasan (vers 916)*, Paris, éditions Bossard, 1922, tr.42,43.

(8). Gabriel Ferrand, *Voyage du marchand arabe Sulaymân en Inde et en Chine, rédigé en 851 suivi de remarques par Abu Zayd Hasan (vers 916)*, Paris, éditions Bossard, 1922, tr.18.

(9). Tốc độ trung bình này khác hoàn toàn với mô tả của Trương Tiếp ở thế kỷ XVII (năm 1617) trong sách Đông Tây dương khảo: "Khoảng cách: không tính bằng dặm, mà tính bằng canh; một ngày một đêm có 10 canh. Mỗi canh nếu gặp gió trung bình, được ước tính là 60 lý [34 km].

(10). Theo học giả Jean Sauvaget, khi biên dịch chính tác phẩm Ả Rập này, còn cho biết đó là đảo Pandouranga, chỉ có thể là là Côn Đảo. Và dường như có thể xác định rằng, từ nguyên gốc Pandouranga, đã biến âm thành Kundrang hay Condore, Condor,… của người Âu.

(11). Canhay là cách ký âm **長 海**, tức Trường Hải theo phát âm của người Việt, cách gọi nhằm chỉ vùng biển phía Bắc hành trình, đó chỉ có thể là biển ở vịnh Bắc Bộ trở về Bắc.

(12). Jean Sauvaget, *Aḫbār aṣ-Ṣīn wa l-Hind: Relation de la Chine de l'Inde rédigée en 851*, Paris, Les Belles Lettres, 1948, tr.8,9.

(13). Nguyên tác: 此 山 產 無 異 物，人 無 居 室，而 食 山 果 魚 蝦，穴 居 樹 巢 矣 - Thử sơn sản vô dị vật, nhân vô cư thất, nhi thực sơn quả ngư hà, huyệt cư thụ sào nhi dĩ. Tạm dịch là: Núi này không có vật lạ, người không ở nhà; nhưng có thể dùng cá, tôm, trái cây để ăn, sống trên cây hoặc trong hang.

(14). João de Barros, Da Ásia de João de Barros Dos feitos que os Portuguezes fizeram no Descubrimento, e conquista dos Mares, e Terras do Oriente. Década Terceira. Parte Primeira. Lisboa: Na Régia Officina Typografica, 1777, tr.182,183.

(15). Charles-Quint, vua Tây Ban Nha, còn được gọi là Charles de Habsbourg hoặc Charles V. Ông sinh ngày 24-02-1500 ở Ghent, Flanders (Hà Lan) và mất ngày 21-9-1558 tại tu viện Yuste (Tây Ban Nha). Triều đại Charles-Quint kéo dài từ năm 1516-1556.

(16). Theo tác giả Trần Văn Quế trong *Côn Lôn sử lược*, ở trang 9, cho biết những đồng tiền này có niên đại chính xác là vào năm 1521, điều này là phù hợp với thông tin từ Đại úy Lucien de Grammont (1863) cho biết.

(17). Gaston Donnet, En Indochine - Cochinchine, Cambodge, Annam, Tonkin, Paris, Société Française d'édition d'Art, 1902, tr.8.

(18). Nói Lucien de Grammont dè dặt, bởi ông ta ghi chú cho sự kiện vừa nêu mà không viết vào tác phẩm, như sau: "Các thủy thủ của tàu vận tải la Nièvre đã tham gia vào công việc đào đắp vào mùa hè năm 1861. Sau khi trở về Pháp trên con tàu này, tôi đã có được một số món đồ quý giá mà sự hiện diện của chúng ở Poulo - Kondor chỉ có thể giải thích là do cướp biển trên hòn đảo này đã cướp một chiếc thuyền buồm của Philippines".

(19). Lucien de Grammont, *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine contenant en outre*, Napoléon -Vendée - J. Sory, Imprimeur-Editeur, 1863, tr.78.

(20). Giovanni Botero, *Delle Relationi Universali Di Giovanni Botero Benese*, Prima parte, In Roma, 1591, tr.209.

(21). Emma Helen Blair và nnk, *The Philippine islands, 1493-1898*, Volume XXII-1625-1629, 1904, tr.191.

(22). Jacques Bernard, *Recueil des traitez de paix, de trêve, de neutralité, de suspension d'armes, de confédération, d'alliance, de commerce, de garantie, et d'autres actes publics...* Tome 3 (Contenant les Traitez depuis MDCI jusqu'en MDCLXI), A Amsterdam, chez Henry et la veuve de T. Boom, 1700, tr.153-158.

(23). Đó là Isles de Lequio hay đảo Lưu Cầu, nay là đảo Okinawa ở Nhật Bản ngày nay.

(24). Có lẽ đây là Bắc Kinh, hành trình dự kiến đi từ eo biển Malacca về Trung Hoa, cho thấy đi qua Côn Đảo, Okinawa và điểm cuối có lẽ là Bắc Kinh, đồng thời cách viết Pecquin cho phép phỏng đoán như vậy.

(25). Jacques Bernard, *Recueil des traitez de paix, de trêve, de neutralité, de suspension d'armes, de confédération, d'alliance, de commerce*, *de garantie, et d'autres actes publics...* Tome 3 (Contenant les Traitez depuis MDCI jusqu'en MDCLXI), A Amsterdam, chez Henry et la veuve de T. Boom, 1700, tr.157.

(26). Docteur Winkel, *"Les relations de la Hollande avec le Cambodge et la Cochinchine, au XVIIe siècle*", Excursions et reconnaissances 1882, No12, Saigon, Imperimerie du Gouvernement, 1882, tr.512.

(27). Guillaume Dampier, *Suite du voyage autour du monde: Avec un Traité des Venes qui régnent dans fouce la Zone Torride*, Tome 2, A Rouen, Chez Jean-Baptiste Machuel, 1723, tr.84.

(28). Theo mô tả chi tiết có thể phỏng đoán đây là quả dâu da với thân gỗ, quả thành chùm mọc chi chít theo thân cây, các loài cây khá phổ biến vùng nhiệt đới.

(29). Guillaume Dampier, *Suite du voyage autour du monde: Avec un Traité des Venes qui régnent dans fouce la Zone Torride*, Tome 2, A Rouen, Chez Jean-Baptiste Machuel, 1723, tr.84.

(30). Đó là Thứ sáu, ngày 22-7-1695, Gemelli Careri đến Côn Đảo.

(31). Voyage du tour du monde, traduit de l'Italien de Gemelli Careri, par M. L. N, Tome Troisieme, A Paris, Chez Etienne Ganeau, 1719, tr.374, 375.